

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 9 - 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Thuôn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2021 của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Vào khoảng năm 2006, do quen biết và sau một thời gian tìm hiểu nên chị và anh Trần Văn T, tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Trà Cú vào ngày 30/6/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống bên cha mẹ chồng tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và có 03 người con

chung tên Trần Thị Kim Th, sinh ngày 13/12/2007; Trần Thị Kim S, sinh ngày 22/8/2009 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 22/8/2009. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh T có tính lẩn nhẩn, có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài và thường hẹn hò gặp nhau. Mặc dù chị có khuyên nhưng anh T không thay đổi, từ đó tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ anh T lên thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm và sống ly thân với anh T từ năm 2018 đến nay, từ khi vợ chồng sống ly thân hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến nay, chị nhận thấy giữa vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống với ai thì người đó nuôi, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim Th, sinh ngày 13/12/2007; Trần Thị Kim S, sinh ngày 22/8/2009 cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và cháu S); giao cháu Trần Tuấn Kh, sinh ngày 22/8/2009 cho anh Trần Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện thì chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/6/2006 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống bên gia đình của anh T tại ấp Giồng Lớn B, xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu anh, chị chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2017 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, mất niềm tin lẫn nhau, do anh T sống không chung thủy và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Phía chị H cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh T; phía bị đơn anh T, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T không chấp hành điều này chứng tỏ anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị H và chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H xác nhận có 03 người con chung tên Trần Thị Kim Th, sinh ngày 13/12/2007; Trần Thị Kim S, sinh ngày 22/8/2009 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 22/8/2009 đều này phù hợp với các giấy khai sinh số 36, 37 và 38 ngày 27/4/2010 của Ủy Ban nhân dân xã Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Xét thấy, cả 03 người con của chị H và anh T đã trên 07 tuổi, hiện nay cháu Kim

Th và cháu Kim S đang sinh sống trực tiếp với chị H và hai cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị H. Do đó, nên giao hai cháu Kim Th và cháu Kim S cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Đối với cháu Tuấn Kh, hiện nay đang sinh sống trực tiếp với anh T và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T nên giao cháu Kh cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng cháu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Kim Th, sinh ngày 13/12/2007; Trần Thị Kim S, sinh ngày 22/8/2009 cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và cháu S); giao cháu Trần Tuấn Kh, sinh ngày 22/8/2009 cho anh Trần Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh).

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004892 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị H không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thuônê**

